TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 121/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22/11/2018
V/v: tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trước

2. Ông Lê Việt Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa có ông Phạm Thành Được – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 400/2018/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018, về việc: "*Tranh chấp ly hôn* ". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị Bé B**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số A, ấp P, xã L, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Thanh L**, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P , xã L, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 9 năm 2018 nguyên đơn chị Đặng Thị Bé B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh L tiến đến hôn nhân trên cơ sở quen biết, hai bên có tổ chức lễ hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long A, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long và được Ủy ban nhân dân xã Long A, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/12/2006. Sau khi kết hôn

Chị B về chung sống bên gia đình anh L. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc do anh L không lo lắng cho vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, vì vậy Chị B đã dẫn con về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2008 cho đến nay. Nay chị Đặng Thị Bé B yêu cầu ly hôn với anh Phạm Thanh L.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Thành Đ, sinh ngày 03/4/2007, hiện tại do Chị B đang nuôi dưỡng, khi ly hôn Chị B yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Bé B xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị Bé B xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

* Ý kiến của cháu Phạm Thành Đ: Con là con của mẹ Đặng Thị Bé B và cha Phạm Thanh L, cha mẹ ly hôn con muốn được ở với mẹ vì từ nhỏ đến lớn con ở với mẹ.

Tòa án đã gởi thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải triệu tập hai lần cho anh Phạm Thanh L đến Tòa án làm việc nhưng anh L không đến. Ngày 15/10/2018 Tòa án có đi xác minh đến nhà gặp mẹ anh L là bà Võ Thị B, bà B khai do anh L đi làm xa khoảng một năm mới về một lần, việc Tòa án gửi văn bản tố tụng cho anh L, bà không biết vì bà qua nhà con gái sống ít có về nhà, anh L có gọi điện thoại cho bà nói là đồng ý ly hôn với chị Bé B do anh L đi làm không thể về được. Tòa án tiến hành quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị Bé B vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Thanh L, vì chị cho rằng vợ chồng mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc dẫn đến thường xuyên cự cải, anh L không lo lắng cho vợ con nên chị không thể sống chung với anh L, nên chị tha thiết được ly hôn với anh L. Về nuôi con chung: có 01 con chung tên Phạm Thành Đ, sinh ngày 03/4/2007, hiện tại do chị đang nuôi dưỡng, chị yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Anh Phạm Thanh L vắng mặt phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:

- *Về tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng dân sự, thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách những người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gởi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời gian, thu thập chứng cứ lấy lời khai bà Võ Thị B là mẹ anh L.

- *Về nội dung*: Chị Bé B kết hôn với anh L có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Long A, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Về mâu thuẫn: Vợ chồng chung sống bất đồng ý kiến về mọi mặt, chị Bé B về nhà cha mẹ sống, vợ chồng không còn sống chung từ năm 2008 cho đến nay, anh chị không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng chăm sóc, giúp đỡ nhau mà mỗi người tự lo cho bản thân mình. Tòa án triệu tập anh L nhiều lần đến Tòa án nhằm hòa giải đoàn tụ nhưng anh L không đến. Do đó chấp nhận cho chị Bé B được ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về nuôi con chung: Từ khi chị Bé B dẫn con về nhà cha mẹ ruột cháu Phạm Thành Đ, sinh ngày 03/4/2007 do chị Bé B nuôi dưỡng, anh L không đến thăm chăm nom cháu Đ, để ổn định không xáo trộn cuộc sống cháu Đ và phù hợp với nguyện vọng của cháu Đạt, nên giao cháu Đ cho chị Bé B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Chị Bé B không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Án phí: Buộc chị Bé B nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] *Về tố tụng:*

Anh Phạm Thanh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần đến Tòa án để mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L vẫn không đến Tòa án làm việc. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử triệu tập lần hai anh L đến tham gia phiên Tòa sơ thẩm nhưng anh L vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử thống nhất giải quyết vắng mặt anh Phạm Thanh L.

[2] *Về nội dung:*

[**2.1**] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đặng Thị Bé B và anh Phạm Thanh L kết hôn với nhau được Ủy ban nhân dân xã Long A, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/12/2006 nên đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Xét về mâu thuẫn chị Bé B cho rằng anh L không quan tâm lo lắng vợ con, vợ chồng thường xuyên cự cãi, nên năm 2008 chị về nhà cha mẹ sống cho đến nay. Tòa án có đi xác minh đến nhà gặp mẹ anh L là bà Võ Thị B, bà B khai do anh L đi làm xa khoảng một năm mới về một lần, anh L có gọi điện thoại cho bà nói là đồng ý ly hôn với chị Bé B do anh L đi làm xa nên không về được. Xét tình trạng hôn nhân của chị Bé B và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn tình yêu thương với nhau, hai người đã không còn ở chung một nhà, hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận cho

chị Đặng Thị Bé B được ly hôn anh Phạm Thanh L là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2.] *Về nuôi con chung*: Xét chị Bé B yêu cầu được nuôi cháu Phạm Thành Đ, sinh ngày 03/4/2007 là có cơ sở chấp nhận, vì hiện nay cháu Đ do chị Bé B nuôi dưỡng và cháu Đ có nguyện vọng muốn được ở với mẹ là Đặng Thị Bé B vì từ nhỏ đến lớn con ở với mẹ. Xét cháu Đ cần sự chăm sóc của mẹ, để không xáo trộn tinh thần học tập của cháu, nên Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Thành Đ cho chị Đặng Thị Bé B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Bé B không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Anh Phạm Thanh L có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản anh L thực hiện quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó được quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Bé B không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung, anh L không tham dự phiên tòa, Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Xét lời trình bày của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn anh Phạm Thanh L là có cơ sở chấp nhận, như đã nhận định ở trên.

[2.6] *Về án phí*: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 177, 179, khoản 2, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2017 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Bé B.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị Bé B được ly hôn với anh Phạm Thanh L.

2/ Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Thành Đ, sinh ngày 03/4/2007 cho chị Đặng Thị Bé B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng.

Anh Phạm Thanh L có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản anh L thực hiện quyền này. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Bé B không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5/ Về án phí: Buộc chị Đặng Thị Bé B phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001810 ngày 07/9/2018 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, chị Bé B đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/ Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của người vắng mặt ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Võ Thị Hồng Điệp

Nơi nhận:
- VKSND huyện Long Hồ
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- THADS huyện Long Hồ
- Các đương sự; Lưu HSVA